

Bản án số: 30/2023/HS-ST
Ngày: 23-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Duy Hùng.
- Ông Lê Thanh Nghị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Kim Đ, sinh ngày 19/4/1969; Nơi sinh: huyện H, tỉnh Tiền Giang; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trần Văn H (chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1941; Có vợ (đã ly hôn) và 03 con, con lớn sinh năm 1989 và nhỏ sinh năm 1991;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 05 ngày 12/5/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công), có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị N, sinh năm 1941 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

- Bùi Phú M, sinh năm 1975 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Số C9/14C, đường C, xã K, huyện O, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Huỳnh Bá D, sinh năm 1991 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp B, xã O, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

5. Anh Huỳnh Chí B, sinh năm 1988 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp A, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thị Kim K, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp 3, xã L, P, tỉnh Đồng Nai;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2022, do làm ăn thua lỗ nên bị cáo và mẹ là bà Lê Thị N có cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà N đứng tên cho chị Nguyễn Thị T với số tiền là 200.000.000 đồng.

Đến đầu tháng 12/2022, bị cáo đến thăm bạn gái là Nguyễn Thị Kim K ngụ tại tổ 3, ấp 3, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Tại đây khi ngồi uống cà phê tại quán “Đà Lạt” bị cáo gặp một người tên O (không rõ nhân thân, lai lịch), qua nói chuyện O giới thiệu có làm giả tất cả các loại giấy tờ khó bị ai phát hiện nên bị cáo thuê làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CQ718393 với giá 20.000.000 đồng. Đến ngày 05/01/2023 thì O giao giấy giả cho bị cáo tại quán “Đà Lạt”. Khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả bị cáo nhờ Nguyễn Chí B tìm người cầm cố. Sau đó liên hệ với cò đất, anh B và bị cáo biết được anh Huỳnh Bá D đang có nhu cầu nên hai bên thỏa thuận cầm cố với số tiền 500.000.000 đồng, hẹn ngày 10/01/2023 ra công chứng tại Văn phòng Công chứng PM thuộc ấp H, xã L, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Chiều ngày 10/01/2023, bị cáo đến Văn phòng Công chứng PM nộp hồ sơ để làm thủ tục cầm cố. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ông Bùi Phú M Trưởng Văn phòng Công chứng PM nghi ngờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ là giả nên đến Công an xã L, thị xã Gò Công trình báo.

Tang vật thu giữ:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ, sinh năm 1969, địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang.

Theo Bản kết luận giám định số 239/KL-KTHS(Đ2) ngày 09/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

+ Mẫu phôi “GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” số CQ718393, số vào sổ cấp GCN: CS05621, cấp cho ông: Trần Kim Đ, sinh năm 1969, CMND số: 082069002420, địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh

Tiền Giang, cấp ngày 16/11/2022 (ký hiệu A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

+ Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM - TỈNH TIỀN GIANG - SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

+ Chữ ký đứng tên Võ Văn S trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Võ Văn S trên tài liệu mẫu ký hiệu M6 không phải do cùng một người ký ra.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSTXGC ngày 26/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công đã truy tố bị cáo Trần Kim Đ về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện, không có ý kiến tranh luận bổ sung. Bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng, do bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bổ sung thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kim Đ từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về vật chứng vụ án đề nghị:

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

* **Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo đã biết lỗi, bị cáo rất ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Mong Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về lo cho mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt những người trên. Xét thấy việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Đ khai nhận vào đầu tháng 12/2022 bị cáo lên thăm bạn gái là Nguyễn Thị Kim K tại ấp 3, xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Khi ngồi uống cà phê tại quán “Đà Lạt”, bị cáo có nói chuyện qua lại với người tên O, biết O có làm giả các loại giấy tờ nên thuê làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 với số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 05/01/2023 thì O giao giấy đất giả cho bị cáo. Khi có giấy đất giả, qua giới thiệu biết được anh Huỳnh Bá D có nhu cầu nên hai bên thỏa thuận cầm giấy đất với số tiền là 500.000.000 đồng. Đến chiều ngày 10/01/2023, bị cáo đến Văn phòng Công chứng PM để làm hợp đồng cầm cố. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, ông Bùi Phú M Trưởng Văn phòng Công chứng PM nghi ngờ các giấy tờ trên là giả nên trình báo Công an.

Trên cơ sở kết luận giám định số 239/KL-KTHS(Đ2) ngày 09/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Tiền Giang kết luận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người liên quan, kết luận giám định, vật chứng, cùng với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã nhờ người làm ra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng chưa chiếm đoạt được thì bị phát hiện. Do đó, việc áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều

tra, truy tố, xét xử thì thái độ của bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải. Từ đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự khi lượng hình.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

- Đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ, sinh năm 1969, địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang giả là vật chứng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo do đó phải lưu trữ trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[6] Đối với người tên O là người làm giả giấy tờ bán lại cho bị cáo nhưng không xác định được họ tên đầy đủ, địa chỉ và nhân thân nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công chưa đủ cơ sở triệu tập. Tuy nhiên bị cáo xác định nơi thỏa thuận nhận giấy tờ giả tại xã L, huyện P, tỉnh Đồng Nai nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Gò Công tách riêng hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức” và có văn bản thông báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Đồng Nai để xác minh giải quyết theo thẩm quyền là có cơ sở.

Theo lời khai chị Nguyễn Thị Kim K không xúi giục hay giúp đỡ bị cáo trong việc liên hệ đối tượng O để đặt mua giấy tờ giả. Huỳnh Chí B khi giúp bị cáo tìm người cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không biết giấy giả. Lời khai của chị K và anh B phù hợp lời khai của bị cáo, ngoài lời khai trên không còn chứng cứ nào khác nên không đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Nguyễn Thị Kim K và anh Huỳnh Chí B là có cơ sở.

[7] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Bá D và anh Huỳnh Chí B không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 341; Điều 38; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50 và Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Kim Đ phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Xử phạt bị cáo Trần Kim Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về biện pháp tư pháp:

- Lưu hồ sơ vụ án: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số CQ718393 mang tên Trần Kim Đ, sinh năm 1969, địa chỉ thường trú: Tổ 2, ấp P, xã T, huyện H, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Buộc bị cáo Trần Kim Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan Thi hành án hình sự thị xã Gò Công;
- Cơ quan điều tra Công an thị xã Gò Công;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Gò Công;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thu Thúy